

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HOÀ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 112/2022/HSST
Ngày: 20/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Rạt.
2. Ông: Lý Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đính, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 105/2022/HSST ngày 31/8/2022, đối với:

Bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn P;
Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;
Sinh ngày 20/5/2003; Nơi sinh: Thành phố C;
Nơi đăng ký HKTT: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố C;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: không; Chức vụ trước khi phạm tội: không; Trình độ học vấn: 5/12. Họ và tên cha: Nguyễn Văn L, sinh năm 1965 (sống). Họ và tên mẹ: Trương Thị T, sinh năm 1966 (sống). Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo Nguyễn Văn P đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 5 năm 2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Trung T;
Tên gọi khác: không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 19/5/2002; Nơi sinh: S;

Nơi đăng ký HKTT: ấp C, xã T, huyện L, tỉnh S;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: không; chức vụ trước khi phạm tội: không; Trình độ học vấn: 6/12. Họ và tên cha: Nguyễn Văn S, sinh năm 1974 (sống). Họ và tên mẹ: Phạm Thị Kiều O, sinh năm 1974 (sống). Anh chị em ruột: có 01 người, sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo Nguyễn Trung T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 5 năm 2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

Bị hại:

- Ông Lý N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện L, tỉnh S (vắng mặt).

- Ông Ôn Bảy S, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh A (có mặt).

Tạm trú: nhà trọ Hà Trần K, ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L

- Ông Châu Sóc S, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lương Văn C, sinh năm 1993; tạm trú: B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L (vắng mặt).

Người làm chứng: Dương Hoàng Anh, Trịnh Hùng Mong (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 12/05/2022, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn P, sinh ngày 20/05/2003, rủ Nguyễn Trung T, sinh ngày 15/9/2002 đi tìm tài sản của người khác để sơ hở lấy trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, P và T đi bộ đến trước dãy nhà trọ (nhà trọ anh Rô) thuộc ấp 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L thì nhìn thấy xe mô tô biển số 62S3-1543 của ông Lý N đang dựng trước phòng trọ số 3, không có người trông coi, P và T thống nhất lấy trộm xe mô tô này. Sau đó, P đứng bên ngoài canh giới, riêng T đi đến vị trí để xe mô tô biển số 62S3-1543 dẫn bộ xe ra ngoài được khoảng 10 mét thì bị lực lượng công an tuần tra phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định, khoảng 23 giờ ngày 10/5/2022, do không có tiền tiêu xài cá nhân Nguyễn Văn P rủ Nguyễn Trung T đi tìm tài sản của người khác để sơ hở lấy trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, T đồng ý. Đến khoảng

23 giờ 30 phút cùng ngày P và T nhờ Tuấn Em (không xác định nhân thân lai lịch) chở đến trước nhà trọ có biển hiệu Trần Kiên, ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L thì nhìn thấy xe mô tô biển số 67M5-4395 dựng trước phòng số 01 và xe mô tô biển số 67N5-7521 đang dựng trước phòng số 05, không có người trông coi, P và T thống nhất lấy trộm 02 xe mô tô nói trên. Sau đó, P và T lên lút đi đến vị trí để 02 mô tô nói trên, P lấy trộm xe mô tô biển số 67N5-7521 của ông Ôn Bảy Sĩ dựng trước phòng trọ số 5, còn T lấy trộm xe mô tô biển số 67M5-4395 của ông Chau Sóc Sin, dựng trước phòng số 1, P và T điều khiển 02 xe vừa trộm được đến tiệm game bán cá chưa rõ biển hiệu ở Ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L. Tại đây, T gặp Đào Anh Hào, sinh năm 2003, hộ khẩu thường trú: Ấp Gò Sao, xã Tân Phú, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, T nhờ Hào đi cầm xe mô tô biển số 67M5-4395, Hào đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 67M5-4395 đến tiệm cầm đồ có biển hiệu Tấn Đạt thuộc ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L và Hào trực T giao dịch với anh Cảnh (người quản lý trực T tại tiệm cầm đồ), Hào cầm được số tiền là 1.100.000 đồng, sau đó Hào đưa số tiền trên cho T, T cho Hào 100.000 đồng, số tiền còn lại T và P chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Còn P gặp Nguyễn Vũ P, sinh năm 1997, hộ khẩu thường trú: ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh S, P nhờ P đi cầm xe mô tô biển số 67N5-7521, P đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 67N5-7521 đến tiệm cầm đồ có biển hiệu Tấn Đạt và trực T giao dịch với anh Cảnh, P cầm được số tiền là 1.000.000 đồng, sau đó P đưa số tiền nói trên cho P, P cho P 100.000 đồng, số tiền còn lại P và T chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL.ĐGTS ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa kết luận xe mô tô nhãn hiệu Promoto, màu đỏ - đen, số máy: 52FMH-015748, số khung: 2UM8XG-15748, biển số 62S3-1543 trị giá 2.800.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 77/KL.ĐGTS ngày 01/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa kết luận: xe mô tô nhãn hiệu RIMA, màu đen-xám, số máy: 422458, số khung: 002458, biển số 67N5-7521 trị giá 2.800.000 đồng và xe mô tô nhãn hiệu KENBO, màu đỏ - đen, số máy: 111220, số khung: 111220, biển số 67M5-4395 trị giá 2.800.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Promoto, màu đỏ - đen, số máy: 52FMH-015748, số khung: 2UM8XG-15748, biển số 62S3-1543 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe là Phạm Hữu Nghiêm, Lý N mua lại sử dụng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu KENBO, màu đỏ - đen, số máy: 111220, số khung: 111220, biển số 67M5-4395 là tài sản hợp pháp của anh Chau Sóc Sin đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu RIMA, màu đen-xám, số máy: 422458, số khung: 002458, biển số 67N5-7521 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe là anh Cao Văn D, anh Ôn Bảy S mua lại sử dụng.

- 01 cây mũi đoản bằng kim loại dài 07 cm.

Tại bản cáo trạng số 105/CT-VKSĐH ngày 30/8/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị hại Lý N và Chau Sóc S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra, truy tố các bị hại có lời khai: đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong, không có yêu cầu gì khác về phân trách nhiệm dân sự.

Bị hại Ôn Bảy S đề nghị được nhận lại chiếc xe gắn máy biển số 67N5-7521 mà các bị cáo đã chiếm đoạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lương Văn Ch vắng mặt nhưng có lời khai yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 2.100.000 đồng đã nhận cầm cố các xe gắn máy.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà các bị cáo gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự, Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lý N, Chau Sóc S vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra, truy tố các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên đề nghị không xem xét. Bị hại Ôn Bảy S đề nghị được nhận lại chiếc xe gắn máy đã bị chiếm đoạt nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu RIMA, màu đen-xám, số máy: 422458, số khung: 002458, biển số 67N5-7521, ông S không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự.

Ông Lương Văn C vắng mặt nhưng có lời khai yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 2.100.000 đồng do đã nhận cầm cố 02 chiếc xe gắn máy bị chiếm đoạt, gồm xe mô tô biển số 67N5- 7521 và xe mô tô biển số 67M5 – 4395. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trao trả cho bị hại Ôn Bảy S: 01 xe mô tô nhãn hiệu RIMA, màu đen-xám, số máy: 422458, số khung: 002458, biển số 67N5-7521, do ông Cao Văn Dứt đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe, ông Ôn Bảy S mua lại để sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 mũi dao bằng kim loại dài 07 cm là công cụ, P tiện dùng vào việc phạm tội.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự: Buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã truy tố, không đưa ra chứng cứ nào để minh oan, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1]. Về hành vi, tội danh và các quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, chuyển vụ án, nhập vụ án hình sự đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về xét xử vắng mặt:

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án,

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa đã truy tố.

Xuất phát từ việc chây lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ nhiều công sức nên trong khoảng thời gian các ngày 10/5/2022 và ngày 12/5/2022 trên địa bàn xã Đức Hòa Đông và xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Trung T đã 2 lần lén lút chiếm đoạt 03 xe mô tô, gồm: 01 xe biển số 62S3-1543 trị giá 2.800.000 đồng của ông Lý N, 01 xe biển số 67N5-7521 trị giá 2.800.000 đồng của ông Ôn Bảy S và 01 xe biển số 67M5-4395 trị giá 2.800.000 đồng của ông Châu Sóc S. Tổng giá trị

tài sản P và T chiếm đoạt là 8.400.000 đồng. Sự việc bị phát hiện bắt quả tang tạm giữ P và T cùng vật chứng vụ án.

Lời khai nhận tội của các bị cáo trước toà phù hợp với lời khai của của bị hại và những người làm chứng, phù hợp với sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản định giá tài sản và tang vật chứng thu giữ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Trung T đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Về hình phạt

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực T đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực T đến tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa P. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự, cụ thể là cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong đó, bị cáo T thực hiện tội phạm với vai trò người thực hành, bị cáo P thực hiện tội phạm với vai trò người rủ rê, thực hành nên bị cáo P T phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

[5]. Xét nhân thân các bị cáo:

[5.1]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, khi áp dụng hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần trách nhiệm hình sự.

[5.2]. *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*:

Bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Do vậy, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa về việc áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn như trên đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận, xem xét.

[5.5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lý N và Chau Sóc S vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong, có lời khai không yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Bị hại Ôn Bảy S đề nghị được nhận lại chiếc xe gắn máy đã bị chiếm đoạt, ông Sĩ nên cần trao trả, ông S không yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên không xem xét.

Ông Lương Văn C vắng mặt nhưng có lời khai yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 2.100.000 đồng nhận cầm cố các xe do các bị cáo phạm tội mà có. Tại phiên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy với vật chứng: 01 mũi đoản kim loại dài 07 cm, là công cụ, P tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội là đúng quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét trao trả 01 xe mô tô nhãn hiệu RIMA, màu đen-xám, số máy: 422458, số khung: 002458, biển số 67N5-7521 cho bị hại ôn Bảy Sĩ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tên Tuấn Em do không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra ra Quyết định tách hành vi của Tuấn Em, T tục làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Vũ P, không thừa nhận đã cho P mượn cây mũi đoản, đồng thời P cũng không biết nguồn gốc của cây mũi đoản, chỉ có duy nhất lời khai của P nên chưa đủ tài liệu chứng cứ chứng minh P đồng phạm với P. Mặt khác, P thừa nhận có hành vi đi cầm xe mô tô biển số 67M5-4395, nhưng P không biết nguồn gốc xe mô tô biển số 67M5-4395 là do P trộm cắp mà có nên hành vi của P không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với Đào Anh H, thừa nhận có đi cầm xe mô tô biển số 67N5-7521, nhưng Hào không biết nguồn gốc xe mô tô biển số 67N5-7521 là do T trộm cắp mà có nên hành vi của Hào không cấu thành tội phạm có liên quan.

Đối với ông Lương Văn C, thừa nhận có cầm 02 xe mô tô gồm các biển số 67N5-7521 và biển số 67M5-4395 của Hào và P. Tuy nhiên ông Cảnh không biết nguồn gốc 02 xe mô tô nói trên là do trộm cắp mà có nên hành vi của Cảnh không cấu thành tội phạm có liên quan.

[7]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2022.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: T tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T. Thời hạn tạm giam 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/9/2022) để đảm bảo công tác thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T phải liên đới bồi thường cho ông Lương Văn C số tiền 2.100.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự trong công tác thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Trao trả cho ông Ôn Bảy S: 01 xe mô tô nhãn hiệu RIMA, màu đen-xám, số máy: 422458, số khung: 002458, biển số 67N5-7521.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 mũi dao kim loại dài 07 cm.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 81/QĐ-VKSĐH ngày 30/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Viện KSND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đức Hòa;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức

Thành viên Hội đồng xét xử

Chủ tọa phiên tòa

La Văn Việt – Nguyễn Chí Lin

Văn Công Thức